TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 20/01/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Thanh Trà

- Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: đường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn B, sinh năm 1959. Có mặt

Địa chỉ: đường Đ, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1954.

Địa chỉ: đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn X. Vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: đường P, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

Ngày 01/4/2013 ông Phạm T có cho bà Huỳnh Thị A vay số tiền 2.200.000.000 đồng. Lãi suất 1,5%/tháng và trả lãi hàng tháng. Thời hạn vay 3

tháng, từ ngày 01/4/2013 đến hết ngày 02/7/2013. Hết thời hạn trên, bà A tiếp tục xin gia hạn thời hạn trả trong một tháng kể từ ngày 06/8/2014. Tuy nhiên, hết thời hạn gia hạn vay bà A vẫn không thực hiện trả tiền gốc và lãi như đã cam kết mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu bà A trả. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị A phải trả cho ông số tiền 4.972.000.000 đồng. Cụ thể gồm: Nợ gốc 2.200.000.000 đồng và nợ lãi 84 tháng tính từ 01/4/2013 đến 02/5/2020 là 2.772.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà A tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa, ông B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ lãi, chỉ yêu cầu bà A trả cho ông T số nợ gốc 2.200.000.000 đồng và 1.386.000.000 đồng nợ lãi.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại phiên hòa giải và bản trình bày gửi Tòa án, ông Thường thừa nhận vào năm 2013 bà Huỳnh Thị A có vay ông Phạm T số tiền gốc 2.200.000.000 đồng, và có viết giấy vay tiền. Chữ ký trong giấy vay tiền chính là chữ ký của bà A. Ngày 06/8/2014, do chưa có tiền thanh toán nợ gốc, bà A có viết vào mặt sau giấy vay tiền về việc hẹn trả cho ông T số tiền trên trong vòng 1 tháng, tức là chậm nhất vào ngày 06/9/2014. Từ ngày 06/8/2014 đến ngày 06/9/2014 bà A đã nhiều lần trả nợ cho ông T, nhưng do tin tưởng nhau nên bà A để ông T tự ghi chép, theo dõi việc trả nợ. Sau đó, ông T không yêu cầu bà A trả số tiền còn lại. Bà A cho rằng ông T đã xóa số nợ trên nên không yêu cầu ông T đối chiếu để chốt nợ. Nay, ông X yêu cầu phía nguyên đơn xem xét và đối chiếu đúng khoản nợ gốc còn lại. Đối với yêu cầu tiền lãi 2.772.000.000 đồng của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết do đã hết thời hiệu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt ông Thường.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 1.386.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện, do đó HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng, thì thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận

vào ngày 01/4/2013 ông Phạm T có cho bà Huỳnh Thị A vay số tiền 2.200.000.000 đồng. Việc vay tiền có viết giấy vay, không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, thời hạn vay 3 tháng, từ ngày 01/4/2013 đến hết ngày 02/7/2013. Hết thời hạn trên, bà A và ông T tiếp tục gia hạn thời hạn trả trong một tháng kể từ ngày 06/8/2014. Hợp đồng vay tài sản này thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày từ khi hết thời hạn trả nợ như các bên thỏa thuận, bà A vẫn không trả cho ông T số tiền nợ gốc, nay yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc 2.200.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn đã trả một phần số nợ gốc, tuy nhiên không đưa ra được con số cụ thể và không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Do đó, HĐXX nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 2.200.000.000 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng mượn tiền ngày 01/4/2013, gia hạn ngày 06/8/2014. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số nợ gốc 2.200.000.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi 1.386.000.000 đồng, HĐXX nhận thấy thời hạn trả nợ theo hợp đồng vay là đến ngày 06/9/2014. Tuy nhiên, khi hết thời hạn trả nợ bị đơn vẫn không trả mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Do đó xác định, nguyên đơn đã biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm từ ngày 06/9/2014, nhưng đến năm 2020 mới khởi kiện. Do đó, đã hết 03 năm thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Và hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "những quy định chung" của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tiền lãi. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là phù hợp với quy định, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà Ân có đơn xin được miễn tiền án phí và được HĐXX chấp nhận theo trường hợp người cao tuổi, quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, cần hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện, cần hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do đó, HĐXX xét thấy cần hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 65.720.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 154, 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 218, Khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "những quy định chung" của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T đối với bà Huỳnh Thị A về số tiền lãi 1.386.000.000 đồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và số tiền lãi 1.386.000.000 đồng do áp dụng thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu của bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T đối với bà Huỳnh Thị A. Xử: Buộc bà Huỳnh Thị A phải trả cho ông Phạm T số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị A được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng). Hoàn trả cho ông Phạm T 65.720.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 9224 ngày 24/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy